|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ Y TẾ**  **ĐẠI HỌC Y DƯỢC TPHCM** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – hạnh phúc** |

**THUYẾT MINH**

**ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

# I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐỀ TÀI

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **1** | **Tên đề tài** | | | | | **1a** | **Mã số** *(được cấp khi Hồ sơ được phê duyệt)* |
|  | | | | | |  | |
| **2** | **Thời gian thực hiện:** .......... tháng | | | | | **3** | **Cấp quản lý** |
| (Từ tháng /20… đến tháng /20…) | | | | | | Cấp trường | |
| **4** | **Tổng kinh phí thực hiện:** ........................... **triệu đồng, trong đó:** | | | | | | |
| **Nguồn** | | | | ***Kinh phí*** *(triệu đồng)* | | | |
| - Từ nguồn kinh phí ĐHYD | | | | **0** | | | |
| - Từ nguồn khác (BV ĐHYD) | | | |  | | | |
| **5** | | | **Đề nghị phương thức khoán chi:** | |  | | |
|  | | | | | Khoán từng phần, trong đó: | | |
|  | | | | | - Kinh phí khoán: ………………….....triệu đồng  - Kinh phí không khoán: 0 triệu đồng | | |
| **6** | **Lĩnh vực khoa học** | | | | | | |
|  |  | | | | | | |
| **7** | **Chủ nhiệm đề tài** | | | | | | |
| Họ và tên: ..............................................................................................................................  Ngày, tháng, năm sinh: ............................................. Giới tính: Nam / Nữ  Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn: ..............................................................................  Chức danh khoa học: ...................................................Chức vụ............................................  Điện thoại:  Tổ chức: ................................. Mobile: .................................  Fax: .................................................. E-mail: ........................................................................  Tên tổ chức đang công tác:.....................................................................................................  Địa chỉ tổ chức:.......................................................................................................................  ................................................................................................................................................. | | | | | | | |
| **8** | **Thư ký khoa học của đề tài** | | | | | | |
| Họ và tên: ...............................................................................................................................  Ngày, tháng, năm sinh: ............................................... Nam/ Nữ: ..........................................  Học hàm, học vị/ Trình độ chuyên môn: ................................................................................  Chức danh khoa học: ........................................... Chức vụ: ............................................  Điện thoại: ………………………………………………………………………………….  Tổ chức: ............................... Mobile: .................................  Fax: .................................................. E-mail: ........................................................................  Tên tổ chức đang công tác: ....................................................................................................  Địa chỉ tổ chức: .....................................................................................................................  ............................................................................................................................................... | | | | | | | |
| **9** | **Tổ chức chủ trì đề tài** | | | | | | |
| Tên tổ chức chủ trì đề tài: Bệnh viện Đại học Y Dược TPHCM  Điện thoại: (028) 38554269 Fax: (028) 39506126  Website: bvdaihoc.com.vn  Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh  Họ và tên thủ trưởng tổ chức: Nguyễn Hoàng Bắc | | | | | | | |
| **10** | **Các tổ chức phối hợp chính thực hiện đề tài** *(nếu có)* | | | | | | |
| 1. **Tổ chức 1** : .......................................................................................................................   Tên cơ quan chủ quản ...........................................................................................................  Điện thoại: ...................................... Fax: ..............................................................................  Địa chỉ: ..................................................................................................................................  Họ và tên thủ trưởng tổ chức: ................................................................................................  Số tài khoản: ..........................................................................................................................  Ngân hàng: .............................................................................................................................   1. **Tổ chức 2** : ......................................................................................................................   Tên cơ quan chủ quản .........................................................................................................  Điện thoại: ...................................... Fax: ..............................................................................  Địa chỉ: ..................................................................................................................................  Họ và tên thủ trưởng tổ chức: ................................................................................................  Số tài khoản: ..........................................................................................................................  Ngân hàng: ............................................................................................................................ | | | | | | | |
| **11** | | **Cán bộ thực hiện đề tài** | | | | | |
| *(Ghi những người có đóng góp khoa học và thực hiện những nội dung chính**thuộc tổ chức chủ trì và tổ chức phối hợp tham gia thực hiện đề tài. Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ lập danh sách theo mẫu này có xác nhận của tổ chức chủ trì và gửi kèm theo hồ sơ khi đăng ký)*   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | **TT** | **Họ và tên, học hàm học vị** | **Chức danh thực hiện đề tài[[1]](#footnote-1)1** | **Tổ chức công tác** | **Nội dung công việc tham gia** | **Thời gian làm việc cho nhiệm vụ  (Số tháng quy đổi2)** | | 1 |  |  |  |  |  | | 2 |  |  |  |  |  | | 3 |  |  |  |  |  | | 4 |  |  |  |  |  | | 5 |  |  |  |  |  | | …. |  |  |  |  |  | | | | | | | | |

# II. MỤC TIÊU, NỘI DUNG KH&CN VÀ PHƯƠNG ÁN TỔ CHỨC THỰC HIỆN ĐỀ TÀI

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **12** | | **Mục tiêu của đề tài** (*Bám sát và cụ thể hoá định hướng mục tiêu theo đặt hàng)* | | | | | | | | | | | | | | | | |
| ......................................................................................................................................................  ......................................................................................................................................................  .....................................................................................................................................................  ..................................................................................................................................................... | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **13** | | | **Tình trạng đề tài**  Mới  Kế tiếp hướng nghiên cứu của chính nhóm tác giả  Kế tiếp nghiên cứu của người khác | | | | | | | | | | | | | | | |
|  | | |
| **14** | | **Tổng quan tình hình nghiên cứu, luận giải về mục tiêu và những nội dung nghiên cứu của đề tài** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| ***14.1* *Đánh giá tổng quan tình hình nghiên cứu thuộc lĩnh vực của đề tài***  **Ngoài nước**(*Phân tích đánh giá được những công trình nghiên cứu có liên quan và những kết quả nghiên cứu mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu của đề tài; nêu được những bước tiến về trình độ KH&CN của những kết quả nghiên cứu đó*) | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Trong nước** *(Phân tích, đánh giá tình hình nghiên cứu trong nước thuộc lĩnh vực nghiên cứu của đề tài, đặc biệt phải nêu cụ thể được những kết quả KH&CN liên quan đến đề tài mà các cán bộ tham gia đề tài đã thực hiện. Nếu có các đề tài cùng bản chất đã và đang được thực hiện ở cấp khác, nơi khác thì phải giải trình rõ các nội dung kỹ thuật liên quan đến đề tài này; Nếu phát hiện có đề tài đang tiến hành mà đề tài này có thể phối hợp nghiên cứu được thì cần ghi rõ Tên đề tài, Tên Chủ nhiệm đề tài và cơ quan chủ trì đề tài đó)* | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| ***14.2 Luận giải về việc đặt ra mục tiêu và những nội dung cần nghiên cứu của đề tài***  (*Trên cơ sở đánh giá tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước, phân tích những công trình nghiên cứu có liên quan, những kết quả mới nhất trong lĩnh vực nghiên cứu đề tài, đánh giá những khác biệt về trình độ KH&CN trong nước và thế giới, những vấn đề đã được giải quyết, cần nêu rõ những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những hạn chế cụ thể, từ đó nêu được hướng giải quyết mới - luận giải và cụ thể hoá mục tiêu đặt ra của đề tài và những nội dung cần thực hiện trong đề tài để đạt được mục tiêu*) | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **15** | | **Liệt kê danh mục các công trình nghiên cứu, tài liệu có liên quan đến đề tài đã trích dẫn khi đánh giá tổng quan** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| *(Tên công trình, tác giả, nơi và năm công bố, chỉ nêu những danh mục đã được trích dẫn để luận giải cho sự cần thiết nghiên cứu đề tài)*  ….....................................................................................................................................................  ......................................................................................................................................................... | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **16** | **Nội dung nghiên cứu khoa học và triển khai thực nghiệm của đề tài và phương án thực hiện** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| *(Liệt kê và mô tả chi tiết những công việc của từng nội dung nghiên cứu và triển khai thực nghiệm phù hợp cần thực hiện để giải quyết các vấn đề và tạo ra sản phẩm theo đặt hàng, kèm theo nhu cầu về nhân lực, trong đó chỉ rõ những nội dung mới, những nội dung kế thừa kết quả nghiên cứu của các đề tài trước đó, dự kiến những nội dung có tính rủi ro và giải pháp khắc phục – nếu có; nội dung thuê chuyên gia trong, ngoài nước thực hiện nếu có không kê khai ở mục này, sẽ được kê khai ở mục 21)* | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Nội dung 1 :** ........................................................................  Công việc 1: ........................................................................  Công việc 2: ........................................................................  ..............................................................................................  **Nội dung 2:** .........................................................................  Công việc 1: ........................................................................  Công việc 2: ........................................................................  ..............................................................................................  **Nội dung n :** ........................................................................  Công việc 1: ........................................................................  Công việc 2: ........................................................................  .............................................................................................. | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **17** | **Cách tiếp cận, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| *(Luận cứ rõ cách tiếp cận vấn đề nghiên cứu, thiết kế nghiên cứu, phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sẽ sử dụng gắn với từng nội dung chính của đề tài; so sánh với các phương pháp giải quyết tương tự khác và phân tích để làm rõ được tính mới, tính sáng tạo của đề tài)*  ***Cách tiếp cận***:  ……………………………………………………………………………………………….  ***Phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng***:  *(Nên có các phần sau: Thiết kế nghiên cứu, đối tượng nghiên cứu và tiêu chí chọn mẫu, cỡ mẫu, kỹ thuật chọn mẫu, định nghĩa biến số chính, kiểm soát sai lệch chọn lựa và thông tin, phương pháp thu thập và phân tích dữ kiện)*  .................................................................................................................................................  ***Tính mới, tính sáng tạo:***  ................................................................................................................................................... | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **18** | **Phương án phối hợp với các tổ chức nghiên cứu và cơ sở sản xuất trong nước** | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| *(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên các tổ chức phối hợp chính tham gia thực hiện đề tài và nội dung công việc tham gia trong đề tài, kể cả các cơ sở sản xuất hoặc những người sử dụng kết quả nghiên cứu; khả năng đóng góp về nhân lực, tài chính, cơ sở hạ tầng-nếu có*). | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **19** | **Phương án hợp tác quốc tế** *(nếu có)* | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| *(Trình bày rõ phương án phối hợp: tên đối tác nước ngoài; nội dung đã hợp tác- đối với đối tác đã có hợp tác từ trước; nội dung cần hợp tác trong khuôn khổ đề tài; hình thức thực hiện. Phân tích rõ lý do cần hợp tác và dự kiến kết quả hợp tác, tác động của hợp tác đối với kết quả của đề tài )* | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **20** | | ***Phương án thuê chuyên gia*** *(nếu có)*  **1. Thuê chuyên gia trong nước** | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  | |
| Số TT | | | | | Họ và tên, học hàm, học vị | | Thuộc tổ chức | | | Lĩnh vực chuyên môn | | | Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê | | | Thời gian thực hiện quy đổi  (tháng) | | |
| 1 | | | | |  | |  | | |  | | |  | | |  | | |
| 2 | | | | |  | |  | | |  | | |  | | |  | | |
| …. | | | | |  | |  | | |  | | |  | | |  | | |
|  | | **2. Thuê chuyên gia nước ngoài** | | | | | | | | | | | | | | | | |
| Số TT | | | | | Họ và tên, học hàm, học vị | Quốc tịch | | Thuộc tổ chức | | | Lĩnh vực chuyên môn | | | Nội dung thực hiện và giải trình lý do cần thuê | | | Thời gian thực hiện quy đổi  (tháng) | |
| 1 | | | | |  |  | |  | | |  | | |  | | |  | |
| 2 | | | | |  |  | |  | | |  | | |  | | |  | |
| …. | | | | |  |  | |  | | |  | | |  | | |  | |
| **21** | | | | **Tiến độ thực hiện** | | | | | | | | | | | | | | | |
|  | | | | **Các nội dung, công việc  chủ yếu cần được thực hiện;  các mốc đánh giá chủ yếu** | | | | | **Kết quả phải đạt** | | | **Thời gian** (bắt đầu,  kết thúc) | | | **Cá nhân,  tổ chức  chủ trì\*** | | | **Dự kiến  kinh phí** | |
| *(1)* | | | | *(2)* | | | | | *(3)* | | | *(4)* | | | *(5)* | | | *(6)* | |
| **1** | | | | ***Nội dung 1*** | | | | |  | | |  | | |  | | |  | |
|  | | | | - Công việc 1 | | | | |  | | |  | | |  | | |  | |
|  | | | | - Công việc 2 | | | | |  | | |  | | |  | | |  | |
|  | | | | …………… | | | | |  | | |  | | |  | | |  | |
| **2** | | | | ***Nội dung 2*** | | | | |  | | |  | | |  | | |  | |
|  | | | | - Công việc 1 | | | | |  | | |  | | |  | | |  | |
|  | | | | - Công việc 2 | | | | |  | | |  | | |  | | |  | |
|  | | | | …………… | | | | |  | | |  | | |  | | |  | |
| … | | | | ***Nội dung n*** | | | | |  | | |  | | |  | | |  | |
|  | | | | - Công việc 1 | | | | |  | | |  | | |  | | |  | |
|  | | | | - Công việc 2 | | | | |  | | |  | | |  | | |  | |
|  | | | | …………… | | | | |  | | |  | | |  | | |  | |

*\* Chỉ ghi các tổ chức, cá nhân có tên tại Mục 8, 9, 10, 11, 12, 20*

**III. SẢN PHẨM KH&CN CỦA ĐỀ TÀI**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **22** | | | **Sản phẩm KH&CN chính của đề tài và yêu cầu chất lượng cần đạt** *(Liệt kê theo dạng sản phẩm)* | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Dạng I:** Mẫu (*model, maket);* Sản phẩm *(là hàng hoá, có thể được tiêu thụ trên thị trường);* Vật liệu; Thiết bị, máy móc; Dây chuyền công nghệ; Giống cây trồng; Giống vật nuôi và các loại khác; | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Số TT** | | | | | | **Tên sản phẩm cụ thể và chỉ tiêu chất lượng chủ yếu của sản phẩm** | | | | **Đơn vị đo** | | **Mức chất lượng** | | | | | | **Dự kiến số lượng/quy mô sản phẩm tạo ra** | |
| **Cần đạt** | | **Mẫu tương tự**  (theo các tiêu chuẩn mới nhất) | | | |
| **Trong nước** | | **Thế giới** | |
| *(1)* | | | | | | *(2)* | | | | *(3)* | | *(4)* | | *(5)* | | *(6)* | | *(7)* | |
|  | | | | | |  | | | |  | |  | |  | |  | |  | |
|  | | | | | |  | | | |  | |  | |  | |  | |  | |
|  | | | | | |  | | | |  | |  | |  | |  | |  | |
| **22.1 Mức chất lượng các sản phẩm (Dạng I) so với các sản phẩm tương tự trong nước và nước ngoài** *(Làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định các chỉ tiêu về chất lượng cần đạt của các sản phẩm của đề tài)*  ......................................................................................................................................................  ...................................................................................................................................................... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Dạng II:** Nguyên lý ứng dụng; Phương pháp; Tiêu chuẩn; Quy phạm; Phần mềm máy tính; Bản vẽ thiết kế; Quy trình công nghệ; Sơ đồ, bản đồ; Số liệu, Cơ sở dữ liệu; Báo cáo phân tích; Tài liệu dự báo *(phương pháp, quy trình, mô hình,...)*; Đề án, qui hoạch; Luận chứng kinh tế-kỹ thuật, Báo cáo nghiên cứu khả thi và các sản phẩm khác | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **TT** | | | | | | | **Tên sản phẩm** | | | | **Yêu cầu khoa học cần đạt** | | | | | | | | **Ghi chú** |
| *(1)* | | | | | | | *(2)* | | | | *(3)* | | | | | | | | *(4)* |
|  | | | | | | |  | | | |  | | | | | | | |  |
|  | | | | | | |  | | | |  | | | | | | | |  |
| **Dạng III:** Bài báo; Sách chuyên khảo và các sản phẩm khác | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Số TT** | | | | | | | **Tên sản phẩm** | **Yêu cầu khoa học cần đạt** | | | | | | | **Dự kiến nơi công bố** (Tạp chí, Nhà xuất bản) | | | | **Ghi chú** |
| *(1)* | | | | | | | *(2)* | *(3)* | | | | | | | *(4)* | | | | *(5)* |
|  | | | | | | |  |  | | | | | | |  | | | |  |
|  | | | | | | |  |  | | | | | | |  | | | |  |
|  | | | | | | |  |  | | | | | | |  | | | |  |
| **22.2 Trình độ khoa học của sản phẩm (Dạng II & III) so với các sản phẩm tương tự hiện có** *(Làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định các yêu cầu khoa học cần đạt của các sản phẩm của đề tài)*  .......................................................................................................................................................  ........................................................................................................................................................ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **22.3 Kết quả tham gia đào tạo sau đại học** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **TT** | | | | | **Cấp đào tạo** | | | | **Số lượng** | | | | **Chuyên ngành đào tạo** | | | | **Ghi chú** | | |
| *(1)* | | | | | *(2)* | | | | *(3)* | | | | *(4)* | | | | *(5)* | | |
|  | | | | | **Thạc sỹ** | | | |  | | | |  | | | |  | | |
|  | | | | | **Tiến sỹ** | | | |  | | | |  | | | |  | | |
| **22.4 Sản phẩm dự kiến đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, quyền đối với giống cây trồng:**  ........................................................................................................................................................  ........................................................................................................................................................ | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **23** | **Khả năng ứng dụng và phương thức chuyển giao kết quả nghiên cứu** | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **23.1 Khả năng về thị trường***(Nhu cầu thị trường trong và ngoài nước, nêu tên và nhu cầu khách hàng cụ thể nếu có; điều kiện cần thiết để có thể đưa sản phẩm ra thị trường?)*  ......................................................................................................................................................  **23.2 Khả năng về ứng dụng các kết quả nghiên cứu vào sản xuất kinh doanh** *(Khả năng cạnh tranh về giá thành và chất lượng sản phẩm)*  .......................................................................................................................................................  .......................................................................................................................................................  **23.3 Khả năng liên doanh liên kết với các doanh nghiệp trong quá trình nghiên cứu và triển khai ứng dụng sản phẩm**  ......................................................................................................................................................  ......................................................................................................................................................  **23.4 Mô tả phương thức chuyển giao**  *(Chuyển giao công nghệ trọn gói, chuyển giao công nghệ có đào tạo, chuyển giao theo hình thức trả dần theo tỷ lệ % của doanh thu; liên kết với doanh nghiệp để sản xuất hoặc góp vốn với đơn vị phối hợp nghiên cứu hoặc với cơ sở sẽ áp dụng kết quả nghiên cứu theo tỷ lệ đã thỏa thuận để cùng triển khai sản xuất; tự thành lập doanh nghiệp trên cơ sở kết quả nghiên cứu tạo ra…)* ....................................................................................................................................................... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **24** | | | | **Phạm vi và địa chỉ (dự kiến) ứng dụng các kết quả của đề tài** | | | | | | | | | | | | | | | |
| .......................................................................................................................................................  ....................................................................................................................................................... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **25** | **Tác động và lợi ích mang lại của kết quả nghiên cứu** | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| ***25.1 Đối với lĩnh vực KH&CN có liên quan***  *(Nêu những dự kiến đóng góp vào các lĩnh vực khoa học công nghệ ở trong nước và quốc tế)*  ........................................................................................................................................................  ***25.2 Đối với tổ chức chủ trì và các cơ sở ứng dụng kết quả nghiên cứu***  ......................................................................................................................................................  ***25.3 Đối với kinh tế - xã hội và môi trường***  *(Nêu những tác động dự kiến của kết quả nghiên cứu đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và môi trường)*  ....................................................................................................................................................... | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **26** | | **Phương án trang bị thiết bị máy móc để thực hiện và xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện đề tài** *(theo quy định tại thông tư liên tịch của Bộ KH&CN và Bộ Tài chính số 16/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 1/9/2015 hướng dẫn quản lý, xử lý tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước)*  **26.1. Phương án trang bị tài sản** *(xây dựng phương án, đánh giá và so sánh để lựa chọn phương án hợp lý, tiết kiệm và hiệu quả nhất, hạn chế tối đa mua mới; thống kê danh mục tài sản cho các nội dung c, d)*  a. Bố trí trong số thiết bị máy móc hiện có của tổ chức chủ trì đề tài *(nếu chưa đủ thì xây dựng phương án hoặc b, hoặc c, hoặc d, hoặc cả b, c, d)*  b. Điều chuyển thiết bị máy móc  c. Thuê thiết bị máy móc   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | STT | Danh mục tài sản | Tính năng, thông số kỹ thuật | Thời gian thuê | | 1 |  |  |  | | 2 |  |  |  |   d. Mua sắm mới thiết bị máy móc   |  |  |  | | --- | --- | --- | | STT | Danh mục tài sản | Tính năng, thông số kỹ thuật | | 1 |  |  | | 2 |  |  |   **26.2. Phương án xử lý tài sản là kết quả của quá trình triển khai thực hiện đề tài** *(hình thức xử lý và đối tượng thụ hưởng)*  ……………………………………………………………………………………………  …………………………………………………………………………………………… | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  | |

# IV. NHU CẦU KINH PHÍ THỰC HIỆN ĐỀ TÀI VÀ NGUỒN KINH PHÍ (Giải trình chi tiết trong phụ lục kèm theo)

*Đơn vị tính: đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung các khoản chi** | **Tổng kinh phí** | | **Nguồn vốn** | | |
|  |  | **Khoán chi** | **Ngoài khoán** | **ĐHYD TPHCM** | **Tự có** | **Khác  (BV ĐHYD)** |
| 1 | Công lao động trực tiếp |  | 0 | 0 |  |  |
| 2 | Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phụ tùng, năng lượng |  | 0 | 0 |  |  |
| 3 | Công tác trong nước |  | 0 | 0 |  |  |
| 4 | Điều tra khảo sát |  | 0 | 0 |  |  |
| 5 | Văn phòng phẩm, in ấn |  | 0 | 0 |  |  |
| 6 | Chi hội thảo khoa học |  | 0 | 0 |  |  |
| 7 | Chi Hội đồng tư vấn, đánh giá kết quả |  | 0 | 0 |  |  |
| 8 | Dịch vụ thuê ngoài phục vụ nghiên cứu |  | 0 | 0 |  |  |
| 9 | Sửa chữa, mua sắm tài sản cố định |  | 0 | 0 |  |  |
| 10 | Chi khác |  | 0 | 0 |  |  |
| 11 | Chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN |  | 0 | 0 |  |  |
|  | **Tổng cộng** |  | **0** | **0** |  |  |

**2. Kế hoạch phân bổ kinh phí**

*Đơn vị tính: đồng*

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |
| **Phân bổ kinh phí** | **Đợt 1** | **Đợt 2** | **Đợt 3\*** |
| Nguồn ĐHYD TPHCM | 0 | 0 | 0 |
| Nguồn vốn khác (BV ĐHYD) | 0 |  |  |
| **Tổng cộng** | **0** |  |  |

*TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm ……*

|  |  |
| --- | --- |
| **Cơ quan chủ trì nhiệm vụ** | **Chủ nhiệm nhiệm vụ** |
|  | **CƠ QUAN QUẢN LÝ** |

\* Áp dụng cho nhiệm vụ (đề tài) có thời gian thực hiện > 12 tháng.

**GIẢI TRÌNH CÁC KHOẢN CHI**

**I. Các phần công việc được giao khoán**

**BẢNG TỔNG HỢP TIỀN CÔNG LAO ĐỘNG TRỰC TIẾP**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  |
| **Stt** | **Họ và tên 1** | **Chức danh trong nghiên cứu 2** | **Tổng số ngày công (snc) 3** | **Hệ số tiền công theo ngày (hstctn) 4** | **Thành tiền (đồng) 5** |
| **I** | **Số ngày công, tiền công từng thành viên tham gia đề tài** | | | | |
| 1 | Nguyễn Văn A | **Chủ nhiệm đề tài** | a | b | =Lcs x a x b |
| 2 | Trần Thị B | **Thành viên chính** | c | d | =Lcs x c x d |
| … | … | Thành viên | … | … | … |
| … | … | …. | … | … | .. |
| … | … | Nhân viên hỗ trợ | … | … | … |
| … | … | …. | … | … | … |
| **II** | **Thuê chuyên gia (trong và ngoài nước)** | | - | - | …. |
|  |  |  |  |  |  |
| **TỔNG** | | | **-** | **-** | **……** |
|  |  |  |  |  |  |
| (1) Học hàm, học vị, họ tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài. Số lượng thành viên tham gia đề tài (bao gồm chủ nhiệm đề tài và các thành viên) tối đa 05 người áp dụng với đề tài cấp tối đa 30 triệu đồng và tối đa 10 người áp dụng với đề tài cấp tối đa 250 triệu đồng. | | | | | | |
| (2) Ghi rõ chức danh khoa học của từng thành viên tham gia nghiên cứu đề tài. | | | | | | |
| (3) Công lao động thực hiện theo Thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN: ngày công lao động quy đổi 8h/ngày; trên 4h được tính 1 ngày công | | | | | | |
| (4) Hệ số tiền công theo ngày áp dụng theo Thông tư số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN: ở đây quy định hệ số tối đa cho đề tài cấp quốc gia, vì vậy khi áp dụng cho đề tài cấp cơ sở thì chủ nhiệm đề tài có thể chọn hệ số thấp hơn quy định | | | | | | |
| (5) Tiền công của kỹ thuật viên, NV hỗ trợ KHÔNG QUÁ 20% tổng dự toán tiền công của CNĐT, thư ký KH, thành viên nghiên cứu | | | | | | |

**II.** **Bảng giải trình chi tiết các khoản chi**

1. **Tiền công lao động trực tiếp**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  |  | *Đơn vị tính: đồng* | | |
| **STT** | **Nội dung công việc** | **Đơn vị tính** | **Số ngày công/số lượng** | **Số tiền/Hệ số tiền công (hstcn)** | **Thành tiền** | | **Nguồn kinh phí** | |
| ***Khoán chi*** | ***Ngoài khoán*** | ***BV ĐHYD TPHCM*** | ***Khác*** |
| ***1*** | ***2*** | ***3*** | ***4*** | ***5*** | ***6*** | ***7*** | ***8*** | ***9*** |
| **1** | **Nội dung 1: ….** | Ghi cụ thể tên kết quả/sản phẩm thu được từ nội dung nghiên cứu | | | | | | |
|  | *Liệt kê họ và tên các thành viên thực hiện công việc này (phù hợp với mục số 21 của Thuyết minh)* |  |  |  |  |  |  |  |
|  | …. |  |  |  |  |  |  |  |
| **2** | **Nội dung 2:…..** | Ghi cụ thể tên kết quả/sản phẩm thu được từ nội dung nghiên cứu | | | | | | |
|  | *Liệt kê họ và tên các thành viên thực hiện công việc này (phù hợp với mục số 21 của Thuyết minh)* |  |  |  |  |  |  |  |
| … | …. |  |  |  |  |  |  |  |
| **n** | **Nội dung n: …....** | Ghi cụ thể tên kết quả/sản phẩm thu được từ nội dung nghiên cứu | | | | | | |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **CỘNG** | | | | |  | **0** |  |  |

1. **Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phụ tùng, năng lượng**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phụ tùng, năng lượng, …và quy cách kỹ thuật** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** | **Đơn giá (đồng** | **Thành tiền (đồng** | |
|  | *Liệt kê chi tiết danh mục hóa chất hoặc nhiên liệu, vật tư y tế, … phục vụ cho đề tài* |  |  |  |  | |
|  | …. |  |  |  |  | |
|  |  |  |  |  |  | |
|  |  |  |  |  |  | |
|  |  |  |  |  |  | |
|  |  |  |  |  |  | |
|  |  |  |  |  |  | |
| **CỘNG** | | | | | | - | |
| **Trong đó, kinh phí khoán chi:** | | | | | | - | |
|  |  |  |  |  |  | |

**3. Công tác trong nước**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |  | *Đơn vị tính: đồng* |
| **TT** | **Khoản chi phí** | **Diễn giải** | | | **Thành tiền** |
| **Số người** | **Lần1** | **Chi phí/lần2** |
| A | Lần 1 (đi <công tác/hội nghị> tại <tên địa điểm>) |  |  |  |  |
| 1 | Tàu xe, đi lại |  |  |  |  |
| 2 | Thuê chỗ ở |  |  |  |  |
| 3 | Phụ cấp lưu trú |  |  |  |  |
| 4 | Chi phí khác |  |  |  |  |
| B | Lần 2 (đi <công tác/hội nghị> tại <tên địa điểm>) |  |  |  |  |
| 1 | Tàu xe, đi lại |  |  |  |  |
| 2 | Thuê chỗ ở |  |  |  |  |
| 3 | Phụ cấp lưu trú |  |  |  |  |
| 4 | Chi phí khác |  |  |  |  |
| C | Lần …. (đi <công tác/hội nghị> tại <tên địa điểm>) |  |  |  |  |
| 1 | Tàu xe, đi lại |  |  |  |  |
| 2 | Thuê chỗ ở |  |  |  |  |
| 3 | Phụ cấp lưu trú |  |  |  |  |
| 4 | Chi phí khác |  |  |  |  |
| **CỘNG:** | | | | |  |
| **Trong đó, kinh phí khoán chi:** | | | | |  |
| (1) Số lần có thể là số đêm, số ngày đi công tác | | |  |  |  |
| (2) Chi phí/lần: chi phí cho 1 vé tàu xe, đi lại, 1 đêm thuê chỗ ở hoặc 1 ngày lưu trú | | | | |  |
|  |  |  |  |  |  |

**4. Chi điều tra, khảo sát** *(tham khảo Thông tư 109 /2016/TT-BTC ngày 30/6/2016)*

*Đơn vị tính: đồng*

| **TT** | **Nội dung công việc** | **Đơn vị** | **Số công/số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| 1 | Xây dựng đề cương (phương án điều tra được duyệt) | Phương án |  |  |  |
| 2 | Lập mẫu phiếu điều tra | Mẫu |  |  |  |
| 3 | Điều tra thử hoàn thiện phương tiện điều tra |  |  |  |  |
| 4 | Hội thảo lấy ý kiến chuyên gia, thẩm định phương án điều tra, nội dung phiếu điều tra, báo cáo kết quả điều tra | Buổi |  |  |  |
|  | Chủ trì | người |  |  |  |
|  | Thư ký hội thảo | người |  |  |  |
|  | Đại biểu được mời dự | người |  |  |  |
|  | Báo cáo tham luận theo đơn đặt hàng: | báo cáo |  |  |  |
|  | Nước uống | người/buổi |  |  |  |
| 5 | Chi tập huấn cho điều tra viên | Buổi |  |  |  |
| 6 | Thuê điều tra viên (Những người không phải là thành viên trong nhóm nghiên cứu) | công |  |  |  |
| 7 | Thuê người dẫn đường | công |  |  |  |
| 8 | Chi cho đối tượng cung cấp thông tin, tự điền phiếu điều tra | phiếu |  |  |  |
| 9 | Chi xử lý (xây dựng phần mềm, nhập liệu, phân tích) kết quả điều tra*. (Tham khảo Thông tư số 194/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012)* |  |  |  |  |
| 10 | Biên dịch tài liệu Thông tư số 71/2018/TT-BTC ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Bộ Tài chính. | trang |  |  |  |
| **CỘNG:** | | | | |  |
| **Trong đó, kinh phí khoán chi:** | | | | |  |

**5. Văn phòng phẩm, in ấn**

*Đơn vị tính: đồng*

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Khoản chi phí** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** |
| 1 |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |
|  | **CỘNG:** | | |  |
|  | **Trong đó khoán chi:** | | |  |

**6. Hội thảo khoa học (có tên chủ đề của Hội thảo)**

*Đơn vị tính: đồng*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Khoản chi phí** | **Đơn vị** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** |
| 1 | Chủ trì | người |  |  |  |
| 2 | Thư ký hội thảo | người |  |  |  |
| 3 | Báo cáo viên trình bày tại Hội thảo | báo cáo |  |  |  |
| 4 | Đại biểu tham dự | người |  |  |  |
| 5 | Tài liệu hội thảo | bộ |  |  |  |
| **CỘNG:** | | | | |  |
| **Trong đó khoán chi:** | | | | |  |

**7. Chi các Hội đồng tư vấn**

*Đơn vị tính: đồng*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Hội đồng tư vấn** | **Đơn vị** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** | |
| ***1*** | ***Hội đồng đạo đức*** Chi theo mức quy định của Hội đồng đạo đức đã được ban hành |  |  |  |  | |
| ***2*** | ***Hội đồng giám định giữa kỳ*** |  |  |  |  | |
|  | Chủ tịch hội đồng | người | 1 | 300.000 |  | |
|  | Phó chủ tịch; thành viên Hội đồng | người | 4 | 250.000 |  | |
|  | Thư ký hành chính | người | 1 | 70.000 |  | |
|  | Đại biểu được mời tham dự | người |  | 50.000 |  | |
| ***3*** | ***Hội đồng nghiệm thu*** |  |  |  |  | |
|  | Chủ tịch Hội đồng | người | 1 | 750.000 | 750.000 | |
|  | Ủy viên Hội đồng | người | 4 | 500.000 | 2.000.000 | |
| **CỘNG:** | | | | | | **2.750.000** |
| **Trong đó khoán chi:** | | | | | | **2.750.000** |

**8. Dịch vụ thuê ngoài phục vụ nghiên cứu**

*Đơn vị tính: đồng*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Khoản chi phí** | **Đơn vị** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** |
| 1 |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |
| … |  |  |  |  |  |
| **CỘNG:** | | | | |  |
| **Trong đó khoán chi:** | | | | |  |

9. **Sửa chữa, mua sắm tài sản cố định**

*Đơn vị tính: đồng*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Khoản chi phí** | **Đơn vị** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** |
| 1 |  |  |  |  | - |
| 2 |  |  |  |  | - |
| … |  |  |  |  |  |
| **CỘNG:** | | | | | - |
| **Trong đó khoán chi:** | | | | |  |

**10. Chi khác**

*Đơn vị tính: đồng*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Khoản chi phí** | **Đơn vị** | **Số lượng** | **Đơn giá** | **Thành tiền** |
| 1 |  |  |  |  | - |
| 2 |  |  |  |  | - |
| … |  |  |  |  |  |
| **CỘNG:** | | | | | - |
| **Trong đó khoán chi:** | | | | |  |

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **11.** | **Chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN (1):** | |  | **đồng** |  |
|  | (1) Định mức chi được xác định bằng 5% tổng chi phí của đề tài (Không quá 200 triệu đồng) | | | | |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  | *TP. Hồ Chí Minh, ngày tháng năm ……* | | | |
|  |  | **Chủ nhiệm nhiệm vụ** | | | |
|  |  | *(ký và ghi rõ họ tên)* | | | |

# 

1. 1 Theo quy định tại bảng 1 Điểm b Khoản 1 Điều 7 thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước

   2 Một tháng quy đổi là tháng làm việc gồm 22 ngày, mỗi ngày làm việc 8 tiếng [↑](#footnote-ref-1)